

BỘ NỘI VỤ

Số: 80/2005/TT-BNV

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 10 tháng 8 năm 2005

THÔNG TƯ**Hướng dẫn thực hiện chuyển xếp lương đối với cán bộ, công chức, viên chức có trình độ cao đẳng phù hợp với chuyên môn đang làm**

Căn cứ Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang (sau đây viết tắt là Nghị định số 204/2004/NĐ-CP); sau khi trao đổi ý kiến với Bộ Tài chính và các Bộ, ngành liên quan, Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện chuyển xếp lương đối với cán bộ, công chức, viên chức có trình độ cao đẳng hoặc cử nhân cao đẳng (sau đây gọi chung là cao đẳng) phù hợp với chuyên môn đang làm như sau:

I. PHẠM VI VÀ ĐỐI TƯỢNG**1. Phạm vi và đối tượng áp dụng**

a) Những người đã có bằng tốt nghiệp trình độ cao đẳng của các trường đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân theo quy định của pháp luật, được tuyển dụng, bổ nhiệm vào một ngạch công chức, viên chức hoặc được giao giữ một công vụ hoặc một nhiệm vụ thường xuyên

phù hợp với chuyên ngành đã được đào tạo làm việc trong cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp của Nhà nước.

b) Cán bộ, công chức, viên chức (gồm cả công chức cấp xã) thuộc biên chế trả lương của các cơ quan nhà nước và các đơn vị sự nghiệp của Nhà nước đã có bằng tốt nghiệp trình độ cao đẳng đang làm công việc chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với chuyên ngành đã được đào tạo, đang xếp lương theo Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ở ngạch chuyên viên và tương đương thuộc công chức, viên chức loại A1 (sau đây viết tắt là loại A1) hoặc ở ngạch cán sự và tương đương thuộc công chức, viên chức loại B (sau đây viết tắt là loại B).

Các đối tượng thuộc phạm vi áp dụng nêu trên sau đây gọi chung là cán bộ, công chức, viên chức có trình độ cao đẳng phù hợp với chuyên môn đang làm.

2. Đối tượng không áp dụng

a) Cán bộ, công chức, viên chức có trình độ cao đẳng phù hợp với chuyên

môn đang làm đã được cơ quan có thẩm quyền quyết định bổ nhiệm và xếp lương vào ngạch chuyên viên chính và tương đương trở lên hoặc xếp lương theo thang lương, bảng lương công nhân, viên chức trong các công ty nhà nước.

b) Cán bộ, công chức, viên chức có trình độ cao đẳng không phù hợp với chuyên môn đang làm.

II. CHUYỂN XẾP LƯƠNG

Cán bộ, công chức, viên chức có trình độ cao đẳng phù hợp với chuyên môn đang làm thuộc đối tượng áp dụng của Thông tư này được chuyển xếp lương vào công chức, viên chức loại A0 (sau đây viết tắt là loại A0) của các bảng lương (Bảng 2 và Bảng 3) ban hành kèm theo Nghị định số 204/2004/NĐ-CP như sau:

1. Trường hợp được tuyển dụng vào ngạch công chức, viên chức có yêu cầu chuẩn là trình độ cao đẳng thì trong thời gian tập sự hoặc thử việc được hưởng lương tập sự, thử việc tính trên cơ sở mức lương bậc 1 của loại A0; hết thời gian tập sự hoặc thử việc được bổ nhiệm vào ngạch thì xếp vào bậc 1 của loại A0, thời gian xét nâng bậc lương lần sau được tính kể từ ngày ký quyết định bổ nhiệm vào ngạch.

2. Trường hợp đang xếp lương theo Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ở loại A1 (yêu cầu chuẩn là trình độ đại học) thì chuyển xếp lương vào loại A0 như sau:

a) Nếu chưa hưởng phụ cấp thâm niên vượt khung ở loại A1 thì chuyển ngang bậc lương đang xếp ở loại A1 vào bậc lương tương ứng ở loại A0; thời gian xét nâng bậc lương lần sau ở loại A0 được tính kể từ ngày xếp bậc lương đang hưởng ở loại A1. Đồng thời kể từ ngày được hưởng lương ở loại A0 được hưởng thêm hệ số chênh lệch bảo lưu cho bằng hệ số lương đang hưởng ở loại A1; hệ số chênh lệch bảo lưu này giảm tương ứng khi cán bộ, công chức, viên chức được nâng bậc lương hoặc được hưởng phụ cấp thâm niên vượt khung ở loại A0.

Ví dụ 1. Bà Vũ Thị H có trình độ cao đẳng kế toán, đã xếp bậc 9 hệ số lương 4,98 ngạch kế toán viên (loại A1) từ ngày 01 tháng 3 năm 2005. Bà H được chuyển xếp lương vào công chức loại A0 như sau:

Bậc 9 hệ số lương 4,98 ngạch kế toán viên (loại A1) chuyển ngang vào bậc 9 hệ số lương 4,58 ở công chức loại A0; thời gian xét nâng bậc lương lần sau (bậc 9 lên bậc 10) ở loại A0 của bà H được tính kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2005 (ngày xếp bậc 9 ngạch kế toán viên). Đồng thời kể từ ngày được hưởng lương ở loại A0 bà H được hưởng thêm hệ số chênh lệch bảo lưu cho bằng hệ số lương 4,98 đang hưởng ở loại A1 là 0,40 (4,98 - 4,58). Khi bà H được nâng lên bậc 10 hệ số lương 4,89 ở loại A0 thì hệ số chênh lệch bảo lưu 0,40 giảm xuống còn 0,09 (0,40 - 0,31), đến khi bà H đủ điều kiện được hưởng 5% phụ cấp thâm niên vượt khung ở loại A0 thì do 5% phụ cấp thâm niên vượt khung ở loại A0 (4,89 x 5%VK) lớn

hơn hệ số chênh lệch bảo lưu 0,09 đang hưởng, nên bà H thôi hưởng hệ số chênh lệch bảo lưu 0,09 này.

b) Nếu đang hưởng phụ cấp thâm niên vượt khung ở loại A1 thì được xếp vào bậc 10 (bậc cuối cùng) ở loại A0; thời gian xét hưởng phụ cấp thâm niên vượt khung ở loại A0 được tính kể từ ngày hưởng phụ cấp thâm niên vượt khung gần nhất (theo mức % phụ cấp thâm niên vượt khung đang hưởng) ở loại A1. Đồng thời kể từ ngày được hưởng lương ở loại A0 được hưởng thêm hệ số chênh lệch bảo lưu cho bằng hệ số lương cộng với phụ cấp thâm niên vượt khung đang hưởng ở loại A1; hệ số chênh lệch bảo lưu này (được tính tròn số sau dấu phẩy 2 số) giảm tương ứng khi cán bộ, công chức, viên chức được hưởng phụ cấp thâm niên vượt khung ở loại A0.

Ví dụ 2. Ông Trần Văn K có trình độ cao đẳng kế toán, đã xếp lương cũ bậc 10 hệ số lương cũ 3,98 ngạch kế toán viên từ ngày 01 tháng 9 năm 2003, được chuyển xếp sang lương mới từ ngày 01 tháng 10 năm 2004 vào bậc 9 hệ số lương 4,98 ngạch kế toán viên (loại A1) và hưởng 6% phụ cấp thâm niên vượt khung, thời gian xét hưởng phụ cấp thâm niên vượt khung lần sau được tính kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2004. Ông K được chuyển xếp lương vào công chức loại A0 như sau:

Do ông K đang hưởng phụ cấp thâm niên vượt khung ở ngạch kế toán viên thuộc công chức loại A1, nên ông K được xếp vào bậc 10 hệ số lương 4,89 ở loại A0, thời gian xét hưởng phụ cấp thâm

niên vượt khung ở loại A0 của ông K được tính kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2004 (ngày hưởng 6% phụ cấp thâm niên vượt khung ở loại A1). Đồng thời kể từ ngày được hưởng lương ở loại A0 ông K được hưởng thêm hệ số chênh lệch bảo lưu cho bằng hệ số lương cộng với phụ cấp thâm niên vượt khung đang hưởng ở loại A1 là 0,39 ($4,98 + 6\%VK - 4,89$). Khi ông K được hưởng phụ cấp thâm niên vượt khung ở loại A0 thì giảm tương ứng hệ số chênh lệch bảo lưu 0,39 này.

3. Trường hợp đang xếp lương theo Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ở loại B thì được chuyển xếp lương vào loại A0 như sau:

a) Nếu chưa hưởng phụ cấp thâm niên vượt khung ở loại B thì căn cứ vào hệ số lương đang hưởng ở loại B chuyển xếp vào bậc có hệ số lương cao hơn gần nhất ở loại A0. Nếu chênh lệch giữa hệ số lương được xếp ở loại A0 so với hệ số lương đang hưởng ở loại B bằng hoặc lớn hơn 0,20 (chênh lệch giữa 2 bậc lương liền kề ở loại B) thì thời gian xét nâng bậc lương lần sau ở loại A0 được tính kể từ ngày được hưởng lương ở loại A0; nếu nhỏ hơn 0,20 thì thời gian xét nâng bậc lương lần sau ở loại A0 được tính kể từ ngày xếp lương ở loại B.

Ví dụ 3. Bà Nguyễn Thị X có trình độ cao đẳng kế toán, đã xếp hệ số lương 3,26 bậc 8 ngạch kế toán viên trung cấp (loại B) từ ngày 01 tháng 4 năm 2005. Bà X được chuyển xếp lương vào công chức loại A0 như sau:

Hệ số lương 3,26 của bà X đang hưởng ở ngạch kế toán viên trung cấp (loại B) được chuyển xếp vào hệ số lương cao hơn gần nhất là hệ số lương 3,34 bậc 5 ở loại A0. Do chênh lệch giữa hệ số lương 3,34 được xếp ở loại A0 so với hệ số lương 3,26 đang hưởng ở loại B là 0,08 ($3,34 - 3,26$) nhỏ hơn 0,20, nên thời gian xét nâng bậc lương lần sau ở loại A0 của bà X được tính kể từ ngày 01 tháng 4 năm 2005 (ngày xếp hệ số lương 3,26 ở loại B).

b) Nếu đang hưởng phụ cấp thâm niên vượt khung ở loại B thì căn cứ vào hệ số lương 4,06 bậc 12 (bậc cuối cùng) ở loại B chuyển vào hệ số lương 4,27 bậc 8 ở loại A0; thời gian xét nâng bậc lương lần sau ở loại A0 được tính kể từ ngày được hưởng lương ở loại A0. Đồng thời kể từ ngày được hưởng lương ở loại A0 được hưởng thêm hệ số chênh lệch bảo lưu (nếu có) cho bằng hệ số lương cộng với phụ cấp thâm niên vượt khung đang hưởng ở loại B; hệ số chênh lệch bảo lưu này (được tính tròn số sau dấu phẩy 2 số) giảm tương ứng khi cán bộ, công chức, viên chức được nâng bậc lương hoặc được hưởng phụ cấp thâm niên vượt khung ở loại A0.

Ví dụ 4. Ông Đặng Văn Y có trình độ cao đẳng kế toán, đã xếp hệ số lương 4,06 bậc 12 ngạch kế toán viên trung cấp (loại B) và đang hưởng 12% phụ cấp thâm niên vượt khung, thời gian xét hưởng phụ cấp thâm niên vượt khung

lần sau được tính kể từ ngày 01 tháng 5 năm 2005. Ông Y được chuyển xếp lương vào công chức loại A0 như sau:

Do ông Y đang hưởng phụ cấp thâm niên vượt khung ở ngạch kế toán viên trung cấp (loại B), nên ông Y được căn cứ vào hệ số lương 4,06 bậc 12 ở loại B chuyển vào hệ số lương 4,27 bậc 8 ở loại A0; thời gian xét nâng bậc lương lần sau (bậc 8 lên bậc 9) ở loại A0 của ông Y được tính kể từ ngày được hưởng lương ở loại A0. Đồng thời kể từ ngày được hưởng lương ở loại A0 ông Y được hưởng thêm hệ số chênh lệch bảo lưu cho bằng hệ số lương cộng với phụ cấp thâm niên vượt khung đang hưởng ở loại B là 0,28 ($4,06 + 12\%VK - 4,27$). Khi ông Y được nâng bậc lương ở loại A0 thì do hệ số lương tăng thêm khi nâng bậc là 0,31 lớn hơn hệ số chênh lệch bảo lưu 0,28 đang hưởng, nên ông Y thôi hưởng hệ số chênh lệch bảo lưu 0,28 này.

4. Chức danh (tên ngạch) và mã số ngạch của công chức, viên chức có trình độ cao đẳng phù hợp với chuyên môn đang làm (loại A0) thực hiện theo các Quyết định của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành chức danh và mã số ngạch công chức, viên chức.

5. Đối với một số ngành chuyên môn hiện đang sử dụng công chức, viên chức có trình độ cao đẳng phù hợp với chuyên môn đang làm (loại A0) nhưng chưa có Quyết định của Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành chức danh và mã số ngạch thì tạm

thời ghi chức danh và mã số ngạch của công chức, viên chức loại A0 để chuyển xếp lương vào công chức, viên chức loại A0 theo hướng dẫn tại Thông tư này như sau:

a) Chức danh (tên ngạch) của công chức, viên chức có trình độ cao đẳng phù hợp với chuyên môn đang làm: thêm ngoặc đơn và cụm từ “(cao đẳng)” sau tên ngạch công chức, viên chức loại A1 trong cùng ngành chuyên môn.

b) Mã số ngạch của công chức, viên chức có trình độ cao đẳng phù hợp với chuyên môn đang làm: thêm chữ “a” sau 2 số đầu của mã số ngạch công chức, viên chức loại A1 trong cùng ngành chuyên môn (3 số cuối giữ nguyên như 3 số cuối của mã số ngạch công chức, viên chức loại A1 trong cùng ngành chuyên môn).

Ví dụ 5. Kế toán viên có trình độ cao đẳng kế toán thì ghi chức danh (tên ngạch) và mã số như sau: Kế toán viên (cao đẳng) - Mã số 06a.031.

Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ quản lý ngạch công chức, viên chức chuyên ngành có trách nhiệm xây dựng tiêu chuẩn nghiệp vụ ngạch công chức, viên chức yêu cầu trình độ cao đẳng (loại A0) gửi Bộ trưởng Bộ Nội vụ để thống nhất ban hành chức danh, tiêu chuẩn nghiệp vụ và mã số ngạch của các ngạch này thay thế quy định tạm thời về cách ghi chức danh và mã số ngạch của công chức, viên chức loại A0 nêu trên.

III. HIỆU LỰC THI HÀNH

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

2. Trường hợp sau ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành mà công chức, viên chức có trình độ cao đẳng phù hợp với chuyên môn đang làm vẫn đang xếp lương cũ (theo Nghị định số 25/CP ngày 23 tháng 5 năm 1993 của Chính phủ) ở ngạch chuyên viên và tương đương (loại A1) hoặc ở ngạch cán sự và tương đương (loại B) thì thực hiện chuyển xếp lương cũ sang lương mới theo hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền. Sau khi chuyển xếp lương cũ sang lương mới theo ngạch đang giữ (loại A1 hoặc loại B) thì mới thực hiện chuyển xếp lương vào công chức, viên chức loại A0 theo hướng dẫn tại Thông tư này.

3. Hệ số lương, hệ số chênh lệch bảo lưu và phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có) được chuyển xếp vào công chức, viên chức loại A0 từ hệ số lương mới ở công chức, viên chức loại A1 hoặc từ hệ số lương mới ở công chức, viên chức loại B theo hướng dẫn tại Thông tư này được tính hưởng như sau:

a) Các ngạch viên chức loại A0 đã được quy định tại đối tượng áp dụng bảng lương số 3 ban hành kèm theo Nghị định số 204/2004/NĐ-CP, thì được hưởng lương ở viên chức loại A0 kể từ ngày 01 tháng 10 năm 2004.

b) Các ngạch công chức, viên chức loại A0 được ban hành chức danh và mã số ngạch theo Quyết định của Bộ trưởng Bộ Nội vụ mà chưa được quy định tại đối tượng áp dụng Bảng lương số 2 và Bảng lương số 3 ban hành kèm theo Nghị định số 204/2004/NĐ-CP, thì được hưởng lương ở công chức, viên chức loại A0 kể từ ngày Quyết định của Bộ trưởng Bộ Nội vụ có hiệu lực thi hành.

c) Các ngạch công chức, viên chức loại A0 ngoài quy định tại điểm a và điểm b

khoản 3 này, được hưởng lương ở công chức, viên chức loại A0 kể từ ngày ký quyết định xếp lương vào công chức, viên chức loại A0.

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, các Bộ, ngành, địa phương phản ánh về Bộ Nội vụ để nghiên cứu, giải quyết./.

BỘ TRƯỞNG

Đỗ Quang Trung